Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
II	**Tài sản giao mới**						**25.000**						
4	**Tài sản cố định khác**						**25.000**						
	Máy tính để bàn		1				10.000						
	Ti vi 2024	Cái	1	55IN			15.000						
	Tổng cộng						**25.000**						

Ngày 01 tháng 10 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Nguyễn Quang Phú

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông **Mẫu số 09b-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1	Đất điểm trường tại THÔN ĐĂK TÂN - ĐĂK NIA - GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	13.789	2.068.350		13.789																
2	Nhà ở giáo viên tại THÔN ĐĂK TÂN - ĐĂK NIA - GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG									2008	150	388.000			75					Làm nhà ở: 75	
3	Nhà số 4 (dãy nhà 3 phòng học) tại THÔN ĐĂK TÂN - ĐĂK NIA - GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG									2007	120	748.528	157.301		120						
4	Đất trường (Phú Xuân) tại Phú Xuân - Đắk Nia - Gia Nghĩa	2.645	662.000		2.645																

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
5	Đất trường chính tại Thôn Đăk Tân-Đăk Nia-Gia Nghĩa-Đăk Nông	8.444	1.266.600		8.444																
6	Nhà hiệu bộ tại Thôn Đăk Tân-Đăk Nia-Gia Nghĩa-Đăk Nông									2019	160	1.500.000	1.140.000		160						
7	Nhà sàn tại Thôn Đăk Tân-Đăk Nia-Gia Nghĩa-Đăk Nông									2005	160	466.822	193.411		160						
8	Nhà số 1 (nhà 4 phòng điểm trường cũ không sử dụng) tại Thôn Đăk Tân-Đăk Nia-Gia Nghĩa-Đăk Nông									2005	160	148.356			160						
9	Nhà số 3 (Dãy nhà 4 phòng học) tại Thôn Đăk Tân-Đăk Nia-Gia Nghĩa-Đăk Nông									2006	160	1.414.222	124.013		160						
10	Dãy nhà hiệu bộ (Phú Xuân)									2021	200	172.447	126.438		200						
11	Dãy phòng học dọc (Phú Xuân)									2008	300	283.147			300						
12	Dãy phòng học ngang (Phú Xuân)									2021	200	265.050	194.334		200						
13	Nhà để xe									2013	30	28.950	3.847		30						
14	Nhà kho									2008	30	30.000			30						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
15	Nhà vệ sinh 2									2016	30	355.590	155.763		30						
	Tổng cộng:	**24.878**	**3.996.950**		**24.878**						**1.700**	**5.801.112**	**2.095.109**		**1.625**					**75**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Nguyễn Quang Phú

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông **Mẫu số 09c-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Tài sản cố định khác**		**56**	**2.407.582**	**2.316.982**	**90.600**	**620.333**							
1	Bàn ghế hội họp (Phú Xuân)	Phòng Hội đồng	1	21.864	21.864									x
2	Máy vi tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	12.200	12.200									
3	Máy vi tinh xách tay DELL	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	13.300	13.300									
4	Máy vi tinh xách tay HP	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	14.900	14.900			x						
5	Nhà để xe	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	19.844	19.844									
6	Nhà mái vòm	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	28.854	28.854									
7	Nhà vệ sinh, giếng khoanbồn nước,	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	354.473	354.473									
8	Phần mềm chuyển đổi số Giáo dục	Văn Thư	1	32.500	32.500		26.000		x					
9	Phần mềm đánh giá khen thưởng giáo viên	Văn thư	1	18.000	18.000		14.400							x
10	Phần mềm hệ thống đánh giá khen thưởng giáo viên	Văn thư	1	18.000	18.000		11.520							x
11	Phần mềm kiểm định chất lương	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	19.800	19.800		6.336							x
12	Phần mềm kiểm định chất lượng	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	14.400	14.400									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
13	Phần mềm kiểm dịnh chất lượng giáo dục	Văn thư	1	14.400	14.400		11.520							x
14	Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, trường chuẩn	Văn thư	1	19.800	19.800		15.840							x
15	Phần mềm KT MISA	Kế toán	1	16.130	16.130		12.904							x
16	Phần mềm quản lý thư viện	Thư viện	1	16.000	16.000		10.240							x
17	Phần mềm quản lý thư viện	Thư viện	1	16.000	16.000		12.800							x
18	Phần mềm quản lý tiền lương	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	16.500	16.500									
19	Phần mềm quản lý tiền lương	Kế toán	1	16.500	16.500		13.200							x
20	Phần mềm ra đề thi và quản lý ngân hàng câu hỏi	Hiệu phó 1	1	15.000	15.000		12.000							x
21	Phần mềm ra đề và quản lý ngân hàng câu hỏi	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	15.000	15.000		4.800							x
22	PM Kế toán MISA 2014	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	10.500	10.500									
23	Sân bê tông	Trường tiểu học Tô Hiệu	1	469.692	469.692		138.261							x
24	Sân bê tông	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	243.238	243.238									
25	Máy vi tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	12.200	12.200									
26	Maý vi tính để bàn FPT	Trường Tiểu học Tô Hiệu	2	30.600		30.600								x
27	Máy vi tính để bàn (Phú Xuân)	Hiệu phó	1	11.700	11.700									x
28	Máy vi tính để bàn (Phú Xuân)	Y tế	1	11.700	11.700									x
29	Bộ bàn ghê họp	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	14.484	14.484									
30	Camera	Trường tiểu học Tô Hiệu	1	16.500	16.500		4.125							x
31	Cổng, hàng rào (Phú Xuân)	Trường tiểu học Tô Hiệu	1	448.611	448.611		269.167							x
32	Hệ thống giếng khoan	Trường tiểu học Tô Hiệu	1	35.000		35.000	24.500							x
33	Máy chiếu	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	18.500	18.500				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
34	Máy chiếu	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	18.900	18.900				x					
35	Máy chiếu đa phương tiện công nghệ LCDSANNY OPLC-XD2220 nặng 2,5kg, màn hình 40"-300"		1	18.500	18.500									x
36	Máy chiếu Sonny VPL-DX221	Lớp 1A2	1	18.500	18.500									x
37	Máy lọc nước	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	16.542	16.542									
38	Máy photocopy	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	38.300	38.300									
39	Máy photocopy Fuji Xerox S2420/2060	Hiệu phó 1	1	56.850	56.850									x
40	Ti vi 2024	Trường tiểu học Tô Hiệu	1	15.000		15.000	12.000		x					
41	Máy quét tài liệu	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	15.000	15.000									x
42	Máy tính để bàn	Trường tiểu học Tô Hiệu	1	10.000		10.000	8.000		x					
43	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
44	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
45	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
46	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
47	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
48	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
49	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
50	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
51	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
52	Máy tính học sinh	Trường Tiểu học Tô Hiệu	1	11.700	11.700									
53	Máy quét tài liệu	Kế toán	1	15.000	15.000									x
54	Ti Vi TCL Smart 65 inch 65P618	Trường tiểu học Tô Hiệu	2	31.800	31.800		12.720		x					
	Tổng cộng		**56**	**2.407.582**	**2.316.982**	**90.600**	**620.333**							

Ngày 24 tháng 12 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Quang Phú

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông **Mẫu số 04a-ĐK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất:

a- Địa chỉ: THÔN ĐĂK TÂN - ĐĂK NIA - GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG.

b- Diện tích khuôn viên đất: 13.789 m2.

c- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: ..... m2; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 13.789 m2; Kinh doanh: ..... m2; Liên doanh, liên kết: ..... m2; Cho thuê: ..... m2; Sử dụng khác: ..... m2.

d- Giá trị theo sổ kế toán: 2.068.350 Nghìn đồng.

II – Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m2)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m2)						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó												
					Nguồn NS	Nguồn khác											
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1- Nhà số 4 (dãy nhà 3 phòng học)	Nhà Cấp IV	2007	01/01/2007	472.742	472.742		157.423	1	120	120		120					
2- Nhà ở giáo viên	Nhà Cấp IV		01/01/2008	388.000	388.000		129.204	1	75	75							Làm nhà ở - 75
Tổng cộng:				**860.742**	**860.742**		**286.627**		**195**	**195**		**120**					**75**

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê nhà, Giấy tờ khác).

....., ngày ... tháng ... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày 04 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Nguyễn Quang Phú

- Báo cáo kê khai lần đầu: [X]
- Báo cáo kê khai bổ sung: [ ]

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông **Mẫu số 04a-ĐK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất:

a- Địa chỉ: Thôn Đăk Tân-Đăk Nia-Gia Nghĩa-Đăk Nông.

b- Diện tích khuôn viên đất: 8.444 m2.

c- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: ..... m2; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 8.444 m2; Kinh doanh: ..... m2; Liên doanh, liên kết: ..... m2; Cho thuê: ..... m2; Sử dụng khác: ..... m2.

d- Giá trị theo sổ kế toán: 1.266.600 Nghìn đồng.

II – Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m2)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m2)						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó												
					Nguồn NS	Nguồn khác											
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1- Nhà sàn	Nhà Cấp IV	2005	12/07/2005	180.000	180.000		24.840	1	160	160		160					
2- Nhà số 1 (nhà 4 phòng điểm trường cũ không sử dụng)	Nhà Cấp IV	2006	10/09/2005	148.356	148.356		20.473	1	160	160		160					
3- Nhà số 3 (Dãy nhà 4 phòng học)	Nhà Cấp IV	2006	10/09/2006	1.007.223	1.007.223		204.466	1	160	160		160					
4- Nhà hiệu bộ	Nhà Cấp III		28/02/2019	1.500.000	1.500.000		1.500.000	1	160	160		160					
Tổng cộng:				**2.835.579**	**2.835.579**		**1.749.779**		**640**	**640**		**640**					

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê nhà, Giấy tờ khác).

....., ngày ... tháng ... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Quang Phú

- Báo cáo kê khai lần đầu: [X]
- Báo cáo kê khai bổ sung: [ ]

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông **Mẫu số 04a-ĐK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất:

a- Địa chỉ: Phú Xuân - Đắk Nia - Gia Nghĩa.

b- Diện tích khuôn viên đất: 2.645 m2.

c- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: ..... m2; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 2.645 m2; Kinh doanh: ..... m2; Liên doanh, liên kết: ..... m2; Cho thuê: ..... m2; Sử dụng khác: ..... m2.

d- Giá trị theo sổ kế toán: 662.000 Nghìn đồng.

II – Về nhà:

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê nhà, Giấy tờ khác).

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1224/qd ngày 12/12/2007

....., ngày ... tháng ... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày 11 tháng 11 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Nguyễn Quang Phú

- Báo cáo kê khai lần đầu: [X]
- Báo cáo kê khai bổ sung: [ ]

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông **Mẫu số 04a-ĐK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất:

II – Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)				SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m2)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m2)						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó												
					Nguồn NS	Nguồn khác											
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1- Dãy phòng học dọc (Phú Xuân)	Nhà Cấp IV	2008	15/02/2008	283.147	283.147		18.744	1	300	300		300					
2- Nhà vệ sinh 1	Nhà Cấp IV	2008	15/02/2008	30.000	30.000		1.986	1	30	30		30					
3- Nhà để xe	Nhà Cấp IV	2013	15/02/2013	28.950	28.950		11.571	1	30	30		30					
4- Nhà vệ sinh 2	Nhà Cấp IV	2016	15/02/2016	285.590	285.590		171.297	1	30	30		30					
5- Dãy nhà hiệu bộ (Phú Xuân)	Nhà Cấp IV	2007	30/09/2021	172.447	172.447		172.447		200	200		200					
6- Dãy phòng học ngang (Phú Xuân)	Nhà Cấp IV	2007	30/09/2021	265.050	265.050		265.050		200	200		200					
Tổng cộng:				**1.065.184**	**1.065.184**		**641.095**		**790**	**790**		**790**					

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê nhà, Giấy tờ khác).

....., ngày ... tháng ... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày 21 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Nguyễn Quang Phú

- Báo cáo kê khai lần đầu: [X]
- Báo cáo kê khai bổ sung: [ ]

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 08a-ĐK/TSC

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Kỳ báo cáo: Năm 2024

Phần 1: Tổng hợp chung

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2

TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1 - Đất khuôn viên	3	24.878		24.878					
2 - Nhà	12	1.700		1.625					75
3 - Tài sản khác trên 500 triệu									
4 - Tài sản khác dưới 500 triệu	56			56					
Tổng cộng	**71**	**26.578**							

....., ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Quang Phú

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông

Mẫu số 08a-ĐK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2

TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
I - Khối quản lý nhà nước									
1 - Đất khuôn viên									
2 - Nhà									
3 - Tài sản khác trên 500 triệu									
4 - Tài sản khác dưới 500 triệu									
II - Khối sự nghiệp	**71**	**26.578**							
1 - Đất khuôn viên	3	24.878		24.878					
2 - Nhà	12	1.700		1.625					75
3 - Tài sản khác trên 500 triệu									
4 - Tài sản khác dưới 500 triệu	56			56					
III - Khối các tổ chức									
1 - Đất khuôn viên									
2 - Nhà									
3 - Tài sản khác trên 500 triệu									

TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
4 - Tài sản khác dưới 500 triệu									
IV - Khối dự án									
1 - Đất khuôn viên									
2 - Nhà									
3 - Tài sản khác trên 500 triệu									
4 - Tài sản khác dưới 500 triệu									
Tổng cộng	**71**	**26.578**							

....., ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Nguyễn Quang Phú

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông

Mẫu số 08a-ĐK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2

STT	TÀI SẢN	MÃ TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	**1 - Trường Tiểu học Tô Hiệu - 1058241**		**71**	**26.578**							
1	Đất khuôn viên		3	24.878		24.878					
1.1	Đất điểm trường	ĐAT1	1	13.789		13.789					
1.2	Đất trường (Phú Xuân)	81	1	2.645		2.645					
1.3	Đất trường chính	DAT2	1	8.444		8.444					
2	Nhà		12	1.700		1.625					75
2.1	Dãy nhà hiệu bộ (Phú Xuân)	82	1	200		200					
2.2	Dãy phòng học dọc (Phú Xuân)	9	1	300		300					
2.3	Dãy phòng học ngang (Phú Xuân)	83	1	200		200					
2.4	Nhà để xe	6	1	30		30					
2.5	Nhà hiệu bộ	NHB	1	160		160					
2.6	Nhà kho	5	1	30		30					
2.7	Nhà ở giáo viên	NGV2	1	150		75					75

STT	TÀI SẢN	MÃ TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
2.8	Nhà sàn	NHA 02	1	160		160					
2.9	Nhà số 1 (nhà 4 phòng điểm trường cũ không sử dụng)	NHA 01	1	160		160					
2.10	Nhà số 3 (Dãy nhà 4 phòng học)	NHA 03	1	160		160					
2.11	Nhà số 4 (dãy nhà 3 phòng học)	NHA 04	1	120		120					
2.12	Nhà vệ sinh 2	7	1	30		30					
3	Ô tô										
4	Tài sản cố định khác		56			56					
4.1	Bàn ghế hội họp (Phú Xuân)	30	1			1					
4.2	Bộ bàn ghê họp	BGH	1			1					
4.3	Camera	74	1			1					
4.4	Cổng, hàng rào (Phú Xuân)	Cổng, hàng rào	1			1					
4.5	Hệ thống giếng khoan	TV2	1			1					
4.6	Máy chiếu	MC	1			1					
4.7	Máy chiếu	MC1	1			1					
4.8	Máy chiếu đa phương tiện công nghệ LCDSANNY OPLC-XD2220 nặng 2,5kg, màn hình 40"-300"	21	1			1					
4.9	Máy chiếu Sonny VPL-DX221	50	1			1					
4.10	Máy lọc nước	MLN	1			1					
4.11	Máy photocopy	MPT	1			1					
4.12	Máy photocopy Fuji Xerox S2420/2060	22	1			1					
4.13	Máy quét tài liệu	46	1			1					
4.14	Máy quét tài liệu	NHB1	1			1					

STT	TÀI SẢN	MÃ TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
4.15	Máy tính để bàn	MT2024	1			1					
4.16	Máy tính học sinh	MHS	1			1					
4.17	Máy tính học sinh	MHS1	1			1					
4.18	Máy tính học sinh	MHS2	1			1					
4.19	Máy tính học sinh	MHS3	1			1					
4.20	Máy tính học sinh	MHS4	1			1					
4.21	Máy tính học sinh	MHS5	1			1					
4.22	Máy tính học sinh	MHS6	1			1					
4.23	Máy tính học sinh	MHS7	1			1					
4.24	Máy tính học sinh	MHS8	1			1					
4.25	Máy tính học sinh	MHS9	1			1					
4.26	Máy vi tính để bàn (Phú Xuân)	58	1			1					
4.27	Máy vi tính để bàn (Phú Xuân)	59	1			1					
4.28	Maý vi tính để bàn FPT	MVTDB1.01	1			1					
4.29	Maý vi tính để bàn FPT	MVTDB1.02	1			1					
4.30	Máy vi tính học sinh	MVTHS	1			1					
4.31	Máy vi tính học sinh	MVTHS1	1			1					
4.32	Máy vi tinh xách tay DELL	MVTXT	1			1					
4.33	Máy vi tinh xách tay HP	MVTXT2	1			1					
4.34	Nhà để xe	NHADEXE2	1			1					
4.35	Nhà mái vòm	NHAVOM3	1			1					
4.36	Nhà vệ sinh, giếng khoanbồn nước,	GK2	1			1					
4.37	Phần mềm chuyển đổi số Giáo dục	TV1	1			1					

STT	TÀI SẢN	MÃ TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
					Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
4.38	Phần mềm đánh giá khen thưởng giáo viên	76	1			1					
4.39	Phần mềm hệ thống đánh giá khen thưởng giáo viên	62	1			1					
4.40	Phần mềm kiểm định chất lương	PMCH1	1			1					
4.41	Phần mềm kiểm định chất lượng	PM005	1			1					
4.42	Phần mềm kiểm dịnh chất lượng giáo dục	45	1			1					
4.43	Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, trường chuẩn	55	1			1					
4.44	Phần mềm KT MISA	47	1			1					
4.45	Phần mềm quản lý thư viện	63	1			1					
4.46	Phần mềm quản lý thư viện	75	1			1					
4.47	Phần mềm quản lý tiền lương	48	1			1					
4.48	Phần mềm quản lý tiền lương	Loadi4	1			1					
4.49	Phần mềm ra đề thi và quản lý ngân hàng câu hỏi	54	1			1					
4.50	Phần mềm ra đề và quản lý ngân hàng câu hỏi	PMCH	1			1					
4.51	PM Kế toán MISA 2014	PM MISA1	1			1					
4.52	Sân bê tông	3	1			1					
4.53	Sân bê tông	Sanbetong	1			1					
4.54	Ti vi 2024	TIVI 2024	1			1					
4.55	Ti Vi TCL Smart 65 inch 65P618	TV.01	1			1					
4.56	Ti Vi TCL Smart 65 inch 65P618	TV.02	1			1					
	Tổng cộng		**71**	**26.578**							

....., ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Nguyễn Quang Phú

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

Mẫu số 08b-ĐK/TSC

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG

Kỳ báo cáo: Năm 2024

Phần 1: Tổng hợp chung

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1 - Khuôn viên đất	3	24.878	3.996.950							3	24.878	3.996.950
2 - Nhà	15	1.700	5.801.112				3			12	1.700	5.801.112
3 - Xe ô tô												
4 - Tài sản cố định khác	55		3.005.607	2		25.000				57		3.030.607
Tổng cộng	**73**	**26.578**	**12.803.669**	**2**		**25.000**	**3**			**72**	**26.578**	**12.828.669**

....., ngày 11 tháng 12 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Quang Phú

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông

Mẫu số 08b-ĐK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG

Kỳ báo cáo: Năm 2024

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I - Khối quản lý nhà nước												
1 - Khuôn viên đất												
2 - Nhà												
3 - xe ô tô												
4 - Tài sản cố định khác												
II - Khối sự nghiệp	**73**	**26.578**	**12.803.669**	**2**		**25.000**	**3**			**72**	**26.578**	**12.828.669**
1 - Khuôn viên đất	3	24.878	3.996.950							3	24.878	3.996.950
2 - Nhà	15	1.700	5.801.112				3			12	1.700	5.801.112
3 - xe ô tô												
4 - Tài sản cố định khác	55		3.005.607	2		25.000				57		3.030.607
III - Khối các tổ chức												
1 - Khuôn viên đất												
2 - Nhà												
3 - xe ô tô												
4 - Tài sản cố định khác												

TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
IV - Khối dự án												
1 - Khuôn viên đất												
2 - Nhà												
3 - xe ô tô												
4 - Tài sản cố định khác												
Tổng cộng	**73**	**26.578**	**12.803.669**	**2**		**25.000**	**3**			**72**	**26.578**	**12.828.669**

....., ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

Nguyễn Quang Phú

Bộ, tỉnh: Tỉnh Đắk Nông **Mẫu số 08b-ĐK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Tô Hiệu

Mã đơn vị: 1058241

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG

Kỳ báo cáo: Năm 2024

Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Đồng.

STT	TÀI SẢN	MÃ ĐƠN VỊ	MÃ TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
				Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I	**1 - Trường Tiểu học Tô Hiệu**	1058241		**73**	**26.578**	**12.803.668.539**	**2**		**25.000.000**	**3**			**72**	**26.578**	**12.828.668.539**
1	Đất khuôn viên			3	24.878	3.996.950.000							3	24.878	3.996.950.000
1.1	Đất trường (Phú Xuân)		81	1	2.645	662.000.000							1	2.645	662.000.000
1.2	Đất trường chính		DAT2	1	8.444	1.266.600.000							1	8.444	1.266.600.000
1.3	Đất điểm trường		ĐAT1	1	13.789	2.068.350.000							1	13.789	2.068.350.000
2	Nhà			15	1.700	5.801.111.539				3			12	1.700	5.801.111.539
2.1	Dãy nhà hiệu bộ (Phú Xuân)		82	1	200	172.447.015							1	200	172.447.015
2.2	Dãy phòng học dọc (Phú Xuân)		9	1	300	283.147.000							1	300	283.147.000
2.3	Dãy phòng học ngang (Phú Xuân)		83	1	200	265.049.524							1	200	265.049.524
2.4	Nhà hiệu bộ		NHB	4	160	1.500.000.000				3			1	160	1.500.000.000
2.5	Nhà kho		5	1	30	30.000.000							1	30	30.000.000
2.6	Nhà ở giáo viên		NGV2	1	150	388.000.000							1	150	388.000.000
2.7	Nhà sàn		NHA 02	1	160	466.822.000							1	160	466.822.000
2.8	Nhà số 1 (nhà 4 phòng điểm trường cũ không sử dụng)		NHA 01	1	160	148.356.000							1	160	148.356.000

STT	TÀI SẢN	MÃ ĐƠN VỊ	MÃ TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
				Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2.9	Nhà số 3 (Dãy nhà 4 phòng học)		NHA 03	1	160	1.414.222.000							1	160	1.414.222.000
2.10	Nhà số 4 (dãy nhà 3 phòng học)		NHA 04	1	120	748.528.000							1	120	748.528.000
2.11	Nhà vệ sinh 2		7	1	30	355.590.000							1	30	355.590.000
2.12	Nhà để xe		6	1	30	28.950.000							1	30	28.950.000
3	Ô tô														
4	Tài sản cố định khác			55		3.005.607.000	2		25.000.000				57		3.030.607.000
4.1	Bàn ghế hội họp (Phú Xuân)		30	1		21.864.000							1		21.864.000
4.2	Bộ bàn ghê họp		BGH	1		14.484.000							1		14.484.000
4.3	Camera		74	1		16.500.000							1		16.500.000
4.4	Cổng, hàng rào		CHR1	1		623.025.000							1		623.025.000
4.5	Cổng, hàng rào (Phú Xuân)		Cổng, hàng rào	1		448.611.000							1		448.611.000
4.6	Hệ thống giếng khoan		TV2	1		35.000.000							1		35.000.000
4.7	Máy chiếu		MC	1		18.900.000							1		18.900.000
4.8	Máy chiếu		MC1	1		18.500.000							1		18.500.000
4.9	Máy chiếu Sonny VPL-DX221		50	1		18.500.000							1		18.500.000
4.10	Máy chiếu đa phương tiện công nghệ LCDSANNY OPLC-XD2220 nặng 2,5kg, màn hình 40"-300"		21	1		18.500.000							1		18.500.000
4.11	Máy lọc nước		MLN	1		16.542.000							1		16.542.000
4.12	Máy photocopy		MPT	1		38.300.000							1		38.300.000
4.13	Máy photocopy Fuji Xerox S2420/2060		22	1		56.850.000							1		56.850.000
4.14	Máy quét tài liệu		46	1		15.000.000							1		15.000.000
4.15	Máy quét tài liệu		NHB1	1		15.000.000							1		15.000.000

STT	TÀI SẢN	MÃ ĐƠN VỊ	MÃ TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
				Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4.16	Máy tính học sinh		MHS	1		11.700.000							1		11.700.000
4.17	Máy tính học sinh		MHS1	1		11.700.000							1		11.700.000
4.18	Máy tính học sinh		MHS2	1		11.700.000							1		11.700.000
4.19	Máy tính học sinh		MHS3	1		11.700.000							1		11.700.000
4.20	Máy tính học sinh		MHS4	1		11.700.000							1		11.700.000
4.21	Máy tính học sinh		MHS5	1		11.700.000							1		11.700.000
4.22	Máy tính học sinh		MHS6	1		11.700.000							1		11.700.000
4.23	Máy tính học sinh		MHS7	1		11.700.000							1		11.700.000
4.24	Máy tính học sinh		MHS8	1		11.700.000							1		11.700.000
4.25	Máy tính học sinh		MHS9	1		11.700.000							1		11.700.000
4.26	Máy tính để bàn		MT2024				1		10.000.000				1		10.000.000
4.27	Máy vi tính học sinh		MVTHS	1		12.200.000							1		12.200.000
4.28	Máy vi tính học sinh		MVTHS1	1		12.200.000							1		12.200.000
4.29	Máy vi tinh xách tay DELL		MVTXT	1		13.300.000							1		13.300.000
4.30	Máy vi tinh xách tay HP		MVTXT 2	1		14.900.000							1		14.900.000
4.31	Máy vi tính để bàn (Phú Xuân)		58	1		11.700.000							1		11.700.000
4.32	Máy vi tính để bàn (Phú Xuân)		59	1		11.700.000							1		11.700.000
4.33	Maý vi tính để bàn FPT		MVTDB 1.01	1		15.300.000							1		15.300.000
4.34	Maý vi tính để bàn FPT		MVTDB 1.02	1		15.300.000							1		15.300.000
4.35	Nhà mái vòm		NHAVOM3	1		28.854.000							1		28.854.000
4.36	Nhà vệ sinh, giếng khoanbồn nước,		GK2	1		354.473.000							1		354.473.000

QLTS.VN

STT	TÀI SẢN	MÃ ĐƠN VỊ	MÃ TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
				Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4.37	Nhà để xe		NHADE XE2	1		19.844.000							1		19.844.000
4.38	Phần mềm chuyển đổi số Giáo dục		TV1	1		32.500.000							1		32.500.000
4.39	Phần mềm hệ thống đánh giá khen thưởng giáo viên		62	1		18.000.000							1		18.000.000
4.40	Phần mềm kiểm dịnh chất lượng giáo dục		45	1		14.400.000							1		14.400.000
4.41	Phần mềm kiểm định chất lượng		PM005	1		14.400.000							1		14.400.000
4.42	Phần mềm kiểm định chất lương		PMCH1	1		19.800.000							1		19.800.000
4.43	Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, trường chuẩn		55	1		19.800.000							1		19.800.000
4.44	Phần mềm KT MISA		47	1		16.130.000							1		16.130.000
4.45	Phần mềm quản lý thư viện		63	1		16.000.000							1		16.000.000
4.46	Phần mềm quản lý thư viện		75	1		16.000.000							1		16.000.000
4.47	Phần mềm quản lý tiền lương		48	1		16.500.000							1		16.500.000
4.48	Phần mềm quản lý tiền lương		Loadi4	1		16.500.000							1		16.500.000
4.49	Phần mềm ra đề thi và quản lý ngân hàng câu hỏi		54	1		15.000.000							1		15.000.000
4.50	Phần mềm ra đề và quản lý ngân hàng câu hỏi		PMCH	1		15.000.000							1		15.000.000
4.51	Phần mềm đánh giá khen thưởng giáo viên		76	1		18.000.000							1		18.000.000
4.52	PM Kế toán MISA 2014		PM MISA1	1		10.500.000							1		10.500.000
4.53	Sân bê tông		3	1		469.692.000							1		469.692.000
4.54	Sân bê tông		Sanbeton g	1		243.238.000							1		243.238.000

STT	TÀI SẢN	MÃ ĐƠN VỊ	MÃ TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
				Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4.55	Ti vi 2024		TIVI 2024				1		15.000.000				1		15.000.000
4.56	Ti Vi TCL Smart 65 inch 65P618		TV.01	1		15.900.000							1		15.900.000
4.57	Ti Vi TCL Smart 65 inch 65P618		TV.02	1		15.900.000							1		15.900.000
	Tổng cộng			**73**	**26.578**	**12.803.668.539**	**2**		**25.000.000**	**3**			**72**	**26.578**	**12.828.668.539**

....., *ngày 21 tháng 11 năm 2024*

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bùi Thị Toàn

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Quang Phú